

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lạng Sơn.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Cung cấp sữa thực hiện “Chương trình Sức khỏe học đường” cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025, năm 2026.
- Dự toán: Triển khai cung cấp sữa thực hiện “Chương trình Sức khỏe học đường” cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2025, năm 2026.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 05 tháng.
- Nguồn vốn: Quyết định số 2255/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn.
- Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh.
- Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

TT	Xã/phường	Đơn vị tính	Tổng số hợp sữa 110ml	Tổng số hợp sữa 180ml
A. TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP				
1	Phường Lương Văn Tri	Hộp	67.500	43.440
2	Phường Kỳ Lừa	Hộp	158.500	51.900
3	Phường Đông Kinh	Hộp	100.800	94.560
4	Phường Tam Thanh	Hộp	88.500	60.300
5	Xã Cao Lộc	Hộp	30.500	23.640
6	Xã Công Sơn	Hộp	30.400	17.700
7	Xã Đồng Đăng	Hộp	94.100	37.920

TT	Xã/phường	Đơn vị tính	Tổng số hợp sữa 110ml	Tổng số hợp sữa 180ml
8	Xã Ba Sơn	Hộp	45.200	19.440
9	Xã Bình Gia	Hộp	89.100	32.100
10	Xã Tân Văn	Hộp	53.100	19.440
11	Xã Hồng Phong	Hộp	33.600	22.140
12	Xã Hoa Thám	Hộp	29.300	25.200
13	Xã Quý Hòa	Hộp	16.000	14.460
14	Xã Thiện Thuật	Hộp	39.900	19.800
15	Xã Thiện Hòa	Hộp	41.100	25.560
16	Xã Thiện Long	Hộp	28.000	24.960
17	Xã Đình Lập	Hộp	25.800	7.200
18	Xã Châu Sơn	Hộp	28.200	7.020
19	Xã Thái Bình	Hộp	25.200	7.020
20	Xã Kiên Mộc	Hộp	44.900	8.400
21	Xã Hữu Lũng	Hộp	166.300	160.620
22	Xã Tuấn Sơn	Hộp	83.100	78.360
23	Xã Tân Thành	Hộp	104.000	104.760
24	Xã Hữu Liên	Hộp	45.500	42.660
25	Xã Vân Nham	Hộp	94.600	102.300
26	Xã Thiện Tân	Hộp	81.100	78.180
27	Xã Cai Kinh	Hộp	60.900	56.940
28	Xã Yên Bình	Hộp	94.000	77.220
29	Xã Lộc Bình	Hộp	86.300	52.800

TT	Xã/phường	Đơn vị tính	Tổng số hợp sữa 110ml	Tổng số hợp sữa 180ml
30	Xã Mẫu Sơn	Hộp	37.300	15.000
31	Xã Na Dương	Hộp	46.100	26.640
32	Xã Lợi Bắc	Hộp	20.300	23.340
33	Xã Thống Nhất	Hộp	78.200	54.000
34	Xã Xuân Dương	Hộp	36.000	16.440
35	Xã Khuất Xá	Hộp	20.900	20.460
36	Xã Bắc Sơn	Hộp	91.400	44.580
37	Xã Hưng Vũ	Hộp	59.900	44.400
38	Xã Vũ Lăng	Hộp	102.200	67.140
39	Xã Nhất Hòa	Hộp	69.200	43.260
40	Xã Vũ Lễ	Hộp	83.200	58.800
41	Xã Tân Tri	Hộp	78.100	46.620
42	Xã Văn Quan	Hộp	52.400	19.500
43	Xã Yên Phúc	Hộp	83.300	18.240
44	Xã Tri Lễ	Hộp	51.200	40.680
45	Xã Khánh Khê	Hộp	70.800	57.960
46	Xã Điềm He	Hộp	56.300	12.120
47	Xã Tân Đoàn	Hộp	42.500	11.100
48	Xã Na Sầm	Hộp	71.700	69.120
49	Xã Văn Lăng	Hộp	23.700	25.200
50	Xã Hoàng Văn Thụ	Hộp	78.100	75.600
51	Xã Thụy Hùng	Hộp	26.300	27.060
52	Xã Hội Hoan	Hộp	32.900	32.820

TT	Xã/phường	Đơn vị tính	Tổng số hợp sữa 110ml	Tổng số hợp sữa 180ml
53	Xã Thất Khê	Hộp	119.900	96.240
54	Xã Tràng Định	Hộp	60.500	51.660
55	Xã Kháng Chiến	Hộp	31.500	22.020
56	Xã Quốc Việt	Hộp	29.800	25.380
57	Xã Quốc Khánh	Hộp	73.400	58.260
58	Xã Tân Tiến	Hộp	34.800	28.200
59	Xã Đoàn Kết	Hộp	17.900	18.900
60	Xã Chi Lăng	Hộp	192.900	35.280
61	Xã Nhân Lý	Hộp	87.800	43.380
62	Xã Quan Sơn	Hộp	54.700	50.340
63	Xã Chiến Thắng	Hộp	74.000	21.360
64	Xã Bằng Mạc	Hộp	87.900	78.120
65	Xã Vạn Linh	Hộp	75.300	52.080
	Tổng khối lượng A		4.137.900	2.747.340
	B. TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGOÀI CÔNG LẬP			
1	Xã Hữu Lũng		1.000	
2	Tràng Định		600	
3	Văn Lăng		5.500	
4	Phường Kỳ Lừa, Lương Văn Tri, Tam Thanh, Đông Kinh		210.100	
	Tổng khối lượng B		217.200	
	Tổng khối lượng A + B		4.355.100	2.747.340

2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

2.1) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

a) Nhà thầu tham gia dự thầu phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng;

b) Các tiêu chí tối thiểu sản phẩm sữa cung cấp cho gói thầu phải đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

* Sản phẩm có bản tự công bố phù hợp với QCVN 5-1: 2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm sữa dạng lỏng kèm theo kết quả kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn các chỉ tiêu hóa lý, hóa, sinh và vi sinh vật tại Viện kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia của Bộ Y Tế hoặc tại các phòng thí nghiệm được công nhận theo quy định của pháp luật.

* Sản phẩm được sản xuất từ sữa tươi nguyên liệu đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sữa tươi nguyên liệu theo Thông tư số 29/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (QCVN 01-186: 2017/BNNPTNT);

* Hạn sử dụng: Từ 180 ngày trở lên kể từ ngày sản xuất (ghi trên hộp);

* Hạn sử dụng của sản phẩm khi giao đến các cơ sở giáo dục phải đảm bảo tối thiểu còn 90 ngày so với hạn sử dụng in trên bao bì;

* Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp nhựa chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1: 2011/BYT;

* Nhãn in trên bao bì thực hiện theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ;

- Yêu cầu cụ thể về thông số kỹ thuật hàng hóa quy định cụ thể tại Điểm

2.2. Chương này;

2.2) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và nguyên liệu theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng hóa cung cấp phải nguyên đai, nguyên kiện theo quy định của nhà sản xuất.

- Tại E-HSDT, Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu do Hãng sản xuất hoặc Đơn vị phân phối của Hãng sản xuất tại Việt Nam phát hành hoặc đường Link địa chỉ Website tra cứu thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu, cụ thể tài liệu có thể gồm Catalogue hoặc các tài liệu thể hiện thông số kỹ thuật của thiết bị chào thầu (Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu cung cấp). Tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong

E-HSDT (Catalogue, ...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ trong quá trình đánh giá E-HSDT.

- Trường hợp có sự sai khác về thông số kỹ thuật giữa Catalog hoặc các tài liệu kỹ thuật do Nhà sản xuất công bố với thông tin nhà thầu tự tham chiếu hoặc kê khai, thì căn cứ để đánh giá E-HSDT là thông số kỹ thuật tại Catalog hoặc các tài liệu kỹ thuật do Nhà sản xuất công bố, nhà thầu phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự bất lợi do tự tham chiếu hoặc kê khai không đúng với thông số do Nhà sản xuất hoặc Nhà phân phối của Nhà sản xuất tại Việt Nam công bố.

- Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Sữa tươi tiệt trùng có đường dung tích 110ml	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà sản xuất sữa đạt tối thiểu các tiêu chuẩn sau: ISO 9001:2015; FSSC 22000 (các tiêu chuẩn phải còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu) - Yêu cầu về kỹ thuật sản phẩm: phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng QCVN 5-1:2010/BYT. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần trong 110ml + Chất béo $\geq 3,2\%$ + Chất khô không béo (SNF) $\geq 8,25\%$ + Protein $\geq 2,7\%$ + Sản phẩm từ 100% sữa tươi, thành phần: sữa, đường - Các vitamin và khoáng chất có sẵn trong sữa tươi - Giới hạn các chất nhiễm bẩn: theo QCVN 5-1:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng - Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo QCVN 5-1:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng - Chỉ tiêu cảm quan: <ul style="list-style-type: none"> +Trạng thái: dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều + Màu sắc: tự nhiên của sản phẩm từ trắng đục đến vàng kem nhạt + Mùi vị: thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm - Hạn sử dụng: từ 06 tháng trở lên

		<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm không sử dụng chất bảo quản, được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp nhựa chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1: 2011/BYT Ban hành kèm theo Thông tư 34/2011/TTBYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế.
2	Sữa tươi tiệt trùng có đường dung tích 180ml	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà sản xuất sữa đạt tối thiểu các tiêu chuẩn sau: ISO 9001:2015; FSSC 22000 (các tiêu chuẩn phải còn hiệu lực tính đến thời điểm đóng thầu) - Yêu cầu về kỹ thuật sản phẩm: phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng QCVN 5-1:2010/BYT. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần trong 110ml + Chất béo $\geq 3,2\%$ + Chất khô không béo (SNF) $\geq 8,25\%$ + Protein $\geq 2,7\%$ + Sản phẩm từ 100% sữa tươi, thành phần: sữa, đường - Các vitamin và khoáng chất có sẵn trong sữa tươi - Giới hạn các chất nhiễm bẩn: theo QCVN 5-1:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng - Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo QCVN 5-1:2010/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng lỏng - Chỉ tiêu cảm quan: <ul style="list-style-type: none"> +Trạng thái: dạng lỏng, đồng nhất khi lắc đều + Màu sắc: tự nhiên của sản phẩm từ trắng đục đến vàng kem nhạt + Mùi vị: thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm - Hạn sử dụng: từ 06 tháng trở lên - Sản phẩm không sử dụng chất bảo quản, được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp nhựa chuyên dùng, đảm bảo yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm theo QCVN 12-1: 2011/BYT Ban hành kèm theo Thông tư 34/2011/TTBYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế.

* Ghi chú:

- Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng.

- Đối với những thông số kỹ thuật sai khác yêu cầu nhà thầu chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật thuộc E-HSMT. Trường hợp nhà thầu đề xuất không cụ thể, đề xuất chung chung hoặc không chứng minh thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật thuộc E-HSMT thì E-HSĐT sẽ được đánh giá không đạt tại tiêu chí Đặc tính, thông số kỹ thuật của và tiêu chuẩn sản xuất của hàng hóa quy định tại Mục 3, Chương III của E-HSMT.

2.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản; Việc thanh toán được thực hiện theo từng lần giao hàng theo dự trù của Đơn vị trường học sử dụng hàng hóa. Giá trị thanh toán được thực hiện trên cơ sở cam kết về khối lượng Nhà thầu trúng thầu hỗ trợ miễn phí tương ứng từng chủng loại sữa các đơn vị sử dụng mua của Nhà thầu; Trong đó đảm bảo nguồn kinh phí Ngân sách nhà nước và phụ huynh đóng góp thanh toán tối đa 75% giá trị khối lượng hàng hóa thực tế cung cấp cho các đơn vị trực tiếp mua sắm; Giá trị của khối lượng hàng hóa cung cấp còn lại nhà thầu hỗ trợ miễn phí cho các trường học sử dụng sữa (Chủ đầu tư và các đơn vị mua sắm không phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào cho Nhà thầu về khối lượng sữa nhà thầu miễn phí này).

- Giá sản phẩm cung cấp cho Kế hoạch phải thấp hơn giá sản phẩm tương đồng bán trên thị trường.

- Cam kết cung ứng sữa theo đúng lộ trình kế hoạch thực hiện của tỉnh; giá 01 hộp sữa không tăng trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch này, nếu giá 01 hộp sữa trên thị trường giảm thì đơn vị cung cấp sữa giảm giá cho phù hợp với thực tế.

- Hỗ trợ tối thiểu 25% giá sữa (giá trúng thầu) cho trẻ trong suốt thời gian thực hiện Kế hoạch này.

- Bảo đảm toàn bộ kinh phí, trang thiết bị cần thiết cho kho bảo quản sản phẩm tại các nhà trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định; bố trí vận chuyển sữa đến điểm bảo quản của các trường mầm non, tiểu học trên địa bàn tỉnh an toàn; phối hợp tổ chức tập huấn cho cán bộ, nhân viên liên quan đủ năng lực triển khai thực hiện và theo dõi, đánh giá sức khỏe, thể lực học sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch; cung cấp tài liệu, vật liệu truyền thông cho công tác truyền thông vận động tại các trường; triển khai tập huấn về: kiến thức và kỹ năng thực hành chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong trường học, quản lý, tổ chức uống sữa, cách thức vận hành, ghi chép sổ sách, lưu mẫu sữa theo quy định về an toàn thực phẩm, không để xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm trong trường học.

- Phối hợp với cơ sở giáo dục và các cơ quan liên quan giải quyết ngay các vấn đề phát sinh trong quá trình cho trẻ uống sữa. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xảy ra vấn đề liên quan đến sức khỏe học sinh được kết luận do uống sữa của đơn vị cung cấp không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Dịch vụ liên quan: Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các dịch vụ liên quan khi bàn giao hàng hóa và trong thời gian bảo hành tại nơi sử dụng hàng hóa, dịch vụ liên quan có thể bao gồm các công việc sau:

a. Hướng dẫn sử dụng sản phẩm

Cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiết (tờ rơi, tài liệu kỹ thuật, MSDS).

Hướng dẫn cán bộ nhà trường:

- + Cách bảo quản sữa đúng nhiệt độ
- + Cách kiểm kê hàng ngày
- + Xử lý tình huống phát sinh khi học sinh dị ứng.

b. Đổi trả hoặc xử lý sự cố sản phẩm

- Chính sách đổi/trả khi sản phẩm có lỗi do nhà cung cấp.
- Xử lý khi hàng hóa bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển, lưu trữ trước khi bàn giao cho đơn vị sử dụng;
- Hỗ trợ xử lý khi phát hiện lô hàng hóa có sai sót về chất lượng, hạn dùng, bao bì.

c. Quy trình Tiếp nhận và xử lý phản ánh/khiếu nại trong thời gian thực hiện hợp đồng:

- Cung cấp đường dây nóng (hotline), email, ứng dụng/biểu mẫu online để tiếp nhận phản hồi từ:

- + Chủ đầu tư
- + Trường học sử dụng sản phẩm
- + Giáo viên chủ nhiệm
- + Phụ huynh học sinh
- + Thời gian phản hồi: trong vòng 2-4 giờ.

- + Có quy trình xử lý cụ thể, có thể bao gồm:
- + Ghi nhận phản ánh
- + Kiểm tra hàng lỗi
- + Giao bù sản phẩm
- + Báo cáo kết quả xử lý

- Nhà thầu phải duy trì và cung cấp hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng không quá 08 giờ kể từ thời điểm Chủ đầu tư hoặc đơn vị sử dụng yêu cầu bao gồm tối thiểu các dịch vụ sau: Hỗ trợ Giải đáp thắc mắc liên quan đến hàng hóa trong quá trình sử dụng; Cập nhật các cảnh báo an toàn, thay đổi về quy cách, chất lượng sản phẩm; Hỗ trợ xử lý khi phát hiện lô hàng hóa có sai sót về chất lượng, hạn dùng, bao bì...;

Mục 2. Bản vẽ

Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Đề đảo bảo hàng hóa là mới 100% và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phù hợp với các thông tin được phê duyệt tại kết quả lựa chọn nhà thầu và hợp đồng đã ký kết, khi bàn giao hàng hóa Nhà thầu trúng thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng từ và hồ sơ của hàng hóa làm cơ sở để Bàn giao, nghiệm thu hàng hóa; Việc kiểm tra được thực hiện bằng cảm quan; Việc thử nghiệm được thực hiện trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu.